

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 5 (THƯỢNG)

Nói địa vị “chơn thật nhất” tức là địa vị của Viên giáo. Trong đây bao gồm mười ý: 1. Giản lược danh nghĩa; 2. Nêu ra số vị; 3. Nói rõ đoạn phục; 4. Nói rõ công dụng; 5. Nói rõ diệu và thô; 6. Nói lên sự hưng khởi địa vị; 7. Nêu ra sự phế bỏ địa vị; 8. Khai mở thô để hiển bày diệu; 9. Dẫn kinh; 10. Sự bắt đầu và kết thúc của địa vị vi diệu.

1. Giản lược “danh nghĩa”: Nếu Viên giáo và Biệt giáo bất đồng thì tự có mười ý trong phần biện rõ thể ở dưới sẽ nói. Nay ước định Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo gồm có ba câu giản lược: (a). Tên Thông giáo và nghĩa Viên giáo; (b). Tên biệt giáo và nghĩa Viên giáo; (c). Tên và nghĩa đều viên giáo. Tên thông suốt và nghĩa viên giáo tức như văn dưới đây nói “chúng con hôm nay mới chơn thật là A-la-hán. Ở trong đó nên thọ nhận sự cúng dường”. Lại nói “chúng con ngày hôm nay, mới thiệt là Thanh văn đem âm giáo của Phật, khiến tất cả đều nghe”. Tên gọi này đồng với Tạng giáo và Thông giáo nhưng nghĩa lại khác nhau, vì sao? Vì A-la-hán ấy chỉ sát hại giặc của bốn trụ phiến não nhưng vô minh vẫn còn tồn tại. Đây là nghĩa “không sanh” thiên lệch Cho nên Thiên nữ nói “tập kiết chưa dứt trừ hẳn nên hoa rơi còn vướng vào thân”. Nay sát hại hai hoặc chướng của Thông giáo và Biệt giáo nên đạt được “sự diệt độ của Như Lai” cho nên nghĩa “giết giặc” trở nên viên giáo. Lại nữa, A-la-hán ấy là phân đoạn sanh tử không sanh mà ngoại giới cũng còn sanh. Luận Bảo Tánh nói “hàng Nhị thừa đối với thế giới vô lậu mà sanh khởi ba loại “ám ý”. Nay tức cả hai thứ: Phân đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử đều không sanh cho nên nghĩa “không sanh” trở nên Viên giáo. A-la-hán ấy là bậc “ứng cúng” thuộc bên trong thế giới chứ chẳng phải “ứng cúng” ngoài giới. Tịnh Danh nói “người khác cúng dường ông thì không gọi là phước điền tức nghĩa

“ứng cúng” thiên lệch. “Nay ở trung đạo, nên thọ nhận sự cúng dường” tức là nghĩa “ứng cúng” viên giáo. Thanh văn kia chỉ là tiểu thừa, theo người khác nghe âm thanh của Tứ đế nên âm thanh và sự nghe còn giới hạn. Nay có thể khiến tất cả pháp giới lắng nghe âm thanh Phật đạo của một sự thật về Tứ đế, khiến tất cả đều nghe tức là nghĩa âm thanh và nghe được viên mãn cho nên biết nương vào nghĩa chứ không nương vào lời nói: Đây là từ Viên giáo mà phán quyết địa vị.

Tên Biệt và nghĩa Viên giáo tức là như năm mươi hai vị với tên gọi có khác có đồng nhưng địa vị trước, giữa, và sau đều viên dung, vi diệu và chơn thật, tùy theo ý và lời nói của tự thân chứ chẳng phải phương tiện dạy đạo. Nương vào nghĩa mà không nương vào lời nói tức nên theo Viên giáo mà phán quyết địa vị.

Tên và nghĩa đều Viên giáo tức như văn kinh nói “khai, thị, ngộ, nhập đều là “tri kiến “của Phật” Nhất thiết chủng trí của Phật là biết (tri) còn mắt của Phật là thấy (kiến). Sự thấy biết này không có khuyết giảm. Lại nữa, vào nhà Như Lai, ngôi tòa Như Lai để trang nghiêm Như Lai tức là tên và nghĩa đều viên mãn nhằm phán định địa vị Viên giáo.

2. Nêu ra “số vị” tức được chia làm ba phần: (a). Nói rõ số; (b). Dẫn chứng nhiều ít; (c). Giản lược về số. Phần thứ nhất này có nhiều người đưa ra nhiều cách lý giải bất đồng. Có người nói Đốn ngộ tức Phật không có vị thứ sai biệt. Dẫn lời Tư Ích nói “như người học này không có từ một địa dẫn đến một địa”. Lại có Luận sư nói “tâm ban đầu Đốn ngộ tức là viên dung rốt ráo, nhưng có bốn mươi hai vị là phương tiện dùng để giáo hóa người độn căn mà lập tên gọi có sâu cạn” Dẫn kinh Lăng Già nói “sơ địa tức là nhị địa, nhị địa tức là tam địa” vậy chơn như vắng lặng có vị thứ gì! Lại có Luận sư nói “sơ Đốn ngộ cho đến Thập Trụ tức là Thập địa, nhưng nói có Thập Hạnh, Thập hồi hương, Thập địa là nói lập lại”. Nay cho rằng các giải thích này đều có sự chấp thiên lệch. Pháp giới bình đẳng còn không luận về “ngộ” và “không ngộ” huống hồ là tranh luận cạn, sâu. Nhưng nếu đã luận về “ngộ” và “không ngộ” thì tại sao ngăn cản bàn luận về cạn và sâu! đại thừa cứu cánh không vượt qua Hoa nghiêm, Đại tập, Đại Phẩm, Pháp Hoa, Niết-bàn. Tuy nói rõ pháp giới bình đẳng không nói không chỉ ra nhưng hành vị của Bồ-tát rốt cuộc tự nhiên hình thành. Lại có người nói “pháp giới bình đẳng nhất định không có vị thứ”. Nay theo thông lệ vấn nạn về lời nói này thì Chơn đế có phân biệt chẳng, không có phân biệt chẳng! Người thấy Chơn đế mà phán quyết bảy Hiền, bảy Thánh, hai mươi bảy

Hiền Thánh v.v... Nay Thật tướng bình đẳng, tuy không có vị thứ thấy Thật tướng nhưng phán quyết vị thứ thì có lỗi gì! Đại Luận nói “ví như đi vào biển thì phải tuần tự: Mới xuống biển, ra khơi, và đi đến bờ bên kia. Nếu thấy Chơn đế mà phán quyết địa vị thì như độ sâu cạn của sông ngòi. Nếu dùng Thật tướng phán quyết địa vị thì như đi vào độ sâu cạn của biển. Do đó, Phổ hiền Quán nói: Nhân của đại thừa là Thật tướng của các pháp, quả của đại thừa cũng là Thật tướng của các pháp”. Luận về các vị thứ, chẳng phải theo chúng đệ tử mà phỏng nói, mà thuận theo kế kinh dùng bốn Tất đàn nói rõ địa vị không có ngăn ngại. Trở lại dựa bảy loại để nói rõ thứ bậc, nghĩa là Thập tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập hồi hương, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Nay đối với Thập tín trước lại nói rõ địa vị của năm phẩm v.v... Nếu người kiếp trước gieo trồng phước sâu dày, hoặc gặp thiện tri thức, hoặc theo kinh điển mà nghe đầy đủ lý vi diệu thì thấu rõ một pháp tức tất cả pháp, tất cả pháp tức một pháp, cũng chẳng phải một chẳng phải tất cả, không thể nghĩ bàn như trước đã nói. Nếu khởi tin hiểu viên dung thì tin vào nhất tâm đều đầy đủ mười pháp giới. Như một vi trần có dung chứa đại thiên quyển kinh. Nếu muốn khai mở tâm này mà tu tập hạnh viên mãn thì hạnh viên mãn chính là nhất hành và chứa đựng tất cả hạnh. Tuy nhiên ở đây lược nói làm mười hạnh nghĩa là nhận thức rõ một niệm bình đẳng đầy đủ tất cả không thể nghĩ bàn như tự chấp nhận gây tổn thương cho bản thân mà đem tâm Từ phổ cập đến tất cả. Lại biết tâm này thường vắng lặng, thường chiếu soi nếu dùng tâm vắng lặng chiếu soi để phá trừ tất cả pháp trở thành tức không, tức Giả, tức Trung đạo. Lại biết nhất tâm và các tâm hoặc thông suốt hoặc ngưng trệ thì có thể đối với tâm này có đầy đủ phẩm đạo hướng đến đường Bồ-đề, lại hiểu pháp môn hỗ trợ và chánh thức của Tâm này, lại biết tâm mình và tâm của Thánh phàm, lại biết an tâm bất động, không thối lui, không tán loạn. Tuy biết “nhất tâm” có vô lượng công đức nhưng không sanh nhiễm trước. Ở đây cốt yếu nói lên mười thứ tâm thành tựu. Tâm ấy, mỗi niệm đều tương ứng với các Ba-la-mật tức gọi là phẩm vị “sơ Tùy hỷ” của Viên giáo. Hành giả có niềm tin trọn vẹn mới sanh khởi thiện và cần phải nuôi dưỡng. Nếu trải qua sự động loạn khiến mầm đạo bị phá hoại, thì chỉ mới là đạt được nội tâm tu lý quán, nếu bên ngoài thọ trì đọc tụng kinh điển đại thừa thì sự nghe có lực hỗ trợ cho quán bên trong, như vậy trong ngoài nương tựa nhau với niềm tin trọn vẹn chuyển biến rõ ràng mười tâm kiên cố. Kim Cang Bát-nhã nói “một ngày ba thời dùng hằng hà sa thân để bố thí không bằng công đức thọ trì một câu kinh. Trí quán của

sơ phẩm giống như mắt, phẩm đọc tụng kế tiếp giống như mặt trời. Mặt trời có ánh sáng cho nên mắt thấy nhiều thứ sắc màu. Luận nói ” Đối với Thật đế thì gọi là “liễu nhân”, đối với đế khác thì gọi là “sanh nhân”. Phước không hưởng đến Bồ-đề nhưng hai nhân kia có khả năng hưởng đến Bồ-đề. Việc nghe pháp đem lại lợi ích rộng lớn là ý tại chỗ này. Đây gọi là phẩm vị thứ hai. Hành giả bây giờ với nội tâm quán sát chuyển mạnh, hỗ trợ ngoại duyên, lại rõ ràng, sự hiểu trọn vẹn chính ở tâm cứu mạng bốn hoàng thế nguyện để huân tập, chuyển động nên lại càng thêm thuyết pháp như thật diễn rộng . Phẩm An Lạc Hạnh nói “chỉ dùng pháp đại thừa mà đáp. Nếu có dùng phương tiện tùy thích nghi, thì sau cùng cũng khiến người được đại ngộ”. Tịnh Danh nói “thuyết pháp thanh tịnh tức là trí tuệ thanh tịnh”. Tỳ-đàm nói “thuyết pháp giải thoát thì người lắng nghe cũng giải thoát, thuyết pháp khai đường chỉ lối thì người trước được biết đường đi hoàn toàn là nhân duyên mà công giáo hóa lại thuộc về mình, cũng tức là mười tâm chuyển rõ ràng thêm gấp ba lần, cho nên gọi là phẩm vị thứ ba. Trên đây là nói để thuận thực quán tâm mình nhưng chưa thoát khỏi nhiễm sự. Nay, chánh quán hơi sáng tỏ liền kèm thêm việc làm lợi ích cho chúng sanh, có thể dùng một ít bố thí cùng pháp giới hư không bình đẳng khiến tất cả pháp hướng đến tu hành bố thí, và pháp bố thí ấy làm pháp giới. Đại Phẩm nói “Bồ-tát chỉ dùng một ít bố thí nhưng siêu vượt cả Thanh văn và Bích chi Phật nên ở trên nói phải học Bát-nhã tức là ý này. Năm độ kia cũng lại như vậy, sự tướng, tuy ít vận chuyển mà nghĩa Bát-nhã “cưu mang rất lớn. Đây là lấy Lý quán làm chánh Sự hành làm phụ kèm cho nên nói” “kèm tu hành bố thí”. Phước sự đã hỗ trợ Lý thì mười tâm chuyển biến cảnh đồng mãnh nên gọi là phẩm vị thứ tư. Hành giả tiếp quán trọn vẹn dần dần thuận thực. Lý sự sắp được viên dung nên trải qua sự mà không ngăn ngại lý, tại lý không ngăn cách sự, cho nên hành đầy đủ sáu độ. Nếu khi bố thí mà không chấp trước vào nhị biên thì y báo, chánh báo của mười pháp giới một khi bỏ tức xả bỏ tất cả, và bố thí tất cả thân mạng tiền của, sự không sợ hãi v.v... Nếu khi trì giới với tánh giới trọng, chê bai, hiềm khích mà bình đẳng không có sai biệt thì sự trọng, khinh của năm bộ giới không hề có xúc phạm. Nếu khi hành nhẫn nhục thì đối với “pháp sanh” đều vắng lặng mà nhẫn nại gánh vác trọng trách. Nếu hành tinh tấn thì thân tâm đều thanh tịnh, không có gián đoạn, không có thối lui. Nếu khi hành thiền định thì đi trong các thiền không có ngăn ngại đối với tịch tĩnh và tán loạn. Nếu khi tu trí tuệ thì hai trí Thật và Quyền rất ráo thông đạt, cho đến “Thế trí” đối trị nghiệp sanh sản đều

cùng với Thật tướng không trái nghịch nhau, đầy đủ giải thích tri kiến của Phật mà ở trong chánh quán thì như lửa thêm củi vậy. Đây là phẩm vị thứ năm. Như năm phẩm vị này với công đức tin viên mãn thì Đông, Tây, tám phương không thể lấy gì làm ví dụ. Tuy là sơ tâm nhưng vượt hơn cả công đức của Thanh văn và bậc Vô học, đầy đủ như kinh nói. Nếu muốn so sánh, quyết định chọn để giải thích thì đại loại như các cấp vị biệt tướng, tổng tướng, bốn niệm xứ của Tam tạng, và nghĩa suy diễn như Can tuệ địa của Thông giáo, cũng như địa vị hàng phục nhãn suy ra nghĩa cũng là hay địa vị Thập tín của Biệt giáo v.v...

Theo ý riêng cho rằng địa vị của năm phẩm tức là phương tiện của Viên giáo. Ban đầu, muốn khiến cho người nghe dễ hiểu nên mới chuẩn định ở tiểu thừa so với đại thừa. Như năm cách quán dừng tâm của Tam tạng giáo, đây phẩm đầu nêu ra niềm tin trọn vẹn về pháp giới: Trên thì tin vào chư Phật còn dưới thì tin vào chúng sanh mà đều sanh khởi tùy hỷ tức là tâm Từ phương tiện của Viên giáo, nhờ dừng tâm nên đối trị khắp các sự ganh ghét trên pháp giới, Phẩm thứ hai “đọc tụng văn chữ của đại thừa” văn chữ là khí mạng của “Pháp thân” còn đọc tụng nói rõ lợi ích tức pháp quán “sổ tức” của Viên giáo khiến tâm dừng lại với đối trị khắp về giác quán thuộc pháp giới. Phẩm thuyết pháp có khả năng tự làm thanh tịnh tâm mình cũng làm thanh tịnh tâm người khác tức là quán nhân duyên của Viên giáo dừng tâm đối trị khắp sự si mê của mình và người khác trong pháp giới. Do si mê diệt mất nên các hành diệt mất cho đến già chết cũng diệt mất. thực hành bao gồm sáu độ tức là quán bất tịnh dừng tâm thuộc Viên giáo để đoạn trừ sáu sự xấu ác mà loại đầu gọi là tham dục. Nếu xả bỏ tham dục thì nhân dục và quả dục đều xả bỏ. Do xả bỏ cho nên không còn thọ nhận Báo thân nên chẳng phải tịnh cũng chẳng phải bất tịnh. Nói chánh thực hành sáu độ tức là Quán niệm Phật để dừng tâm của Viên giáo. Khi chính thức thực hành sáu độ thì “tức sự mà lý” thì lý không ngăn ngại đạo, sự ngăn ngại đối với đạo thì “tức sự mà lý” không có chướng ngại có thể bàn luận. Đại ý là như đây v.v...

Nói về địa vị Thập tín tức là ban đầu dùng sự nghe trọn vẹn, có thể khởi tin trọn vẹn và hành trọn vẹn khéo léo tăng trưởng lợi ích khiến hành trọn vẹn năm phẩm rõ ràng, sâu xa gấp bội. Nhân nơi hành trọn vẹn này mà được nhập vào địa vị viên mãn. Bởi vì khéo tu pháp giới bình đẳng liền nhập vào Tín tâm, khéo tu từ mãn liền nhập vào niệm tâm; khéo tu “vắng lặng chiếu soi” liền nhập vào tâm “tinh tiến”, khéo tu “thông suốt và bế tắc” liền nhập vào tâm định, khéo tu “phẩm đạo”

liền nhập vào “tâm không thối chuyển”, khéo tu pháp môn chánh và, hỗ trợ liền nhập vào tâm hồi hướng, khéo tu “địa vị phàm Thánh” liền nhập vào “tâm hộ pháp”, khéo tu “bất động” liền nhập vào tâm Giới; khéo tu “không vướng mắc” liền nhập vào tâm nguyện. Trên đây gọi là nhập vào địa vị của Thập tín. Kinh Anh Lạc nói “một niềm tin có mười pháp và mười niềm tin có một trăm pháp. Trăm pháp ấy làm nguồn gốc của tất cả pháp. Đây gọi là địa vị Thập tín thuộc Thiết Luân của Viên giáo tức sáu căn thanh tịnh, tương tự hiểu của Viên giáo: Noãn pháp, Nhãn pháp, Đảnh pháp, và Thế nhất pháp. Kinh Phổ hiền Quán nói rõ Vô sanh nhẫn với mười cảnh giới trước tức là địa vị này. Nếu nhập vào Tín tâm này tức có khả năng phá trừ sạch Kiến hoặc và Tư hoặc của trong giới, lại phá trừ Trần-sa-hoặc, vô tri của ngoài giới, đồng thời có thể hàng phục hoặc chướng của vô minh trụ địa. Kinh Nhân vương, Bát-nhã nói “Bồ-tát của thập thiện phát khởi tâm từ rộng lớn, qua lại lâu dài trong biển khổ luân chuyển của ba cõi” tức cũng là địa vị này. Địa vị này, các kinh nêu ra có sự bất đồng. Kinh Hoa Nghiêm Bồ-tát Pháp Tuệ trả lời Thiên tử Chánh Niệm nói rõ Bồ-tát quán sát mười loại phạm hạnh “không”, học mười loại Trí lực mà nhập vào “Sơ trụ”. Mười loại phạm hạnh “Không” tức là một Thật đế, cũng là Diệt đế của vô tác Tứ đế; học mười loại Trí lực tức là quán Đạo đến của Vô tác Tứ đế chính là địa vị Thập tín. Hoặc Đại Phẩm nói “ví như người đi vào biển, trước hết thấy tướng bình lặng, cũng là vận chuyển từ trong ba cõi mà đi ra”. Kinh Nhân vương Bát-nhã và Phổ Hiền Quán như trước đã dẫn chứng thì tương ứng vẫn dưới nói” vào nhà Như Lai, ngôi tòa Như Lai, mặc áo Như Lai v.v... tức là tu bốn hạnh an lạc: Hành xứ và thân cận xứ v.v... Kinh Niết-bàn nói “lại có nhất hạnh gọi là hạnh của Như Lai đó gọi là đại thừa”. Đại Luận nói “Bồ-tát từ sơ phát tâm tức quán Niết-bàn thực hành đạo. Nếu quán Niết-bàn hành đạo thì sanh ra hiểu “tương tự” tức là hành nhất hạnh của Như Lai” v.v...

Nói địa vị Thập Trụ tức là tương tự Thập tín mà có thể nhập vào trí tuệ trung đạo chơn thật của Thập Trụ. Sơ phát tâm trụ khi phát khởi tức là phát ra ba loại tâm: 1. Tâm phát thiện duyên nhân; 2. Tâm phát tuệ liễu nhân; 3. Tâm phát lý Chánh nhân. Đây tức là ba loại Diệu của Hành, Trí, Cảnh ở trước phát triển ra. Trụ là trụ vào ba đức Niết-bàn. Tâm phát thiện duyên nhân tức là trụ vào định Thủ Lăng Nghiêm giải thoát không thể nghĩ bàn. Tâm phát tuệ liễu nhân tức là trụ vào Không rốt ráo của Ma-ha-bát-nhã. Tâm phát lý chính nhân tức là trụ vào Thật tướng, Pháp thân, trung đạo và Đệ nhất nghĩa. Ở đây nêu ra

cốt yếu tức trụ vào ba đức và tất cả Phật pháp. Lại trụ vào tâm Bồ-đề viên mãn thanh tịnh, vô duyên từ bi, thệ nguyện vô tác bao trùm khắp pháp giới. Lại trụ vào trong một niệm thành tựu tất cả vạn hạnh và các Ba-la-mật. Lại trụ vào Nhất thiết chủng trí hoàn toàn đoạn trừ Kiến hoặc, Tư hoặc và vô minh hoặc của pháp giới. Lại trụ vào Phật nhãn thấy viên mãn pháp ba đế của mười pháp giới. Lại an trú trọn vẹn đi vào tất cả pháp môn đó là hai mươi lăm Tam muội ngằm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Lại thành tựu nghiệp viên mãn của Bồ-tát có khả năng hiển bày tất cả thần thông: đó là ba luân giáo hóa không thể nghĩ bàn, phủ đầy khắp pháp giới hiển bày việc làm lợi ích cho chúng sanh. Lại có thể thành tựu khai mở quyền trí mà hiển bày thật trí đi vào đạo “Nhất thừa”. Lại thường trang nghiêm làm thanh tịnh cõi nước của Phật luôn phát khởi ba nghiệp cúng dường tất cả mười phương Phật mà đạt được Đà-la-ni viên mãn, thọ trì tất cả Phật pháp, như mây gìn giữ nước mưa. Lại an trụ khả năng từ một địa mà đầy đủ công đức tất cả các địa tâm tâm vắng lặng tự nhiên tuôn chảy vào biển Tát-bà-nhã. Kinh Hoa Nghiêm nói “Công đức vốn có của Bồ-tát Sơ trụ, ba đời chư Phật khen ngợi cũng không thể hết. Nếu nói đầy đủ công đức ấy thì phàm phu nghe rồi liền sanh tâm mê loạn mà phát khởi cuồng si”. Theo ý riêng cho rằng: Sơ trụ thành tựu mười đức tương ứng là mười pháp trong Thập tín mà chuyển biến dần từ tương tự trở thành chơn thật từ một trụ đến đủ mười trụ. Nếu chú ý tìm hiểu kỹ điều này sẽ thấy cả hai có tương ứng. Vì sao? Vì trăm pháp của Thập tín là căn bản của tất cả pháp lẽ nào không được giải thích như đây?! Sơ trụ đã như vậy thì ba quán hiện ra tâm vô công dụng đoạn trừ vô lượng phẩm vô minh của pháp giới, không thể tính kể. Nếu lược nói làm mười phẩm trí đoạn tức là “Thập Trụ”. Kinh Nhân vương nói “Hội nhập lý Bát-nhã thì gọi là Trụ tức mười phen tiến đến phát khởi vô lậu đồng thấy lý “trung đạo, Phật tánh, Đệ nhất nghĩa”. Vì không trụ vào pháp từ cạn đến sâu nhưng trụ vào ba đức của Phật và tất cả Phật pháp cho nên gọi là địa vị “Thập Trụ”. Địa vị này, trong các kinh nêu ra có chỗ bất đồng. Kinh Hoa Nghiêm nói “khi mới phát tâm liền thành tựu Chánh giác, thấu hiểu tánh chơn thật của các pháp, với những pháp đã nghe thì không do người khác mà được ngộ. Bồ-tát này thành tựu mười loại trí lực rất ráo lìa hư vọng, không nhiễm như hư không với Pháp thân vắng lặng thanh tịnh tương ứng với tất cả; nên biết tức là phát khởi chơn vô lậu để đoạn trừ phẩm đầu tiên của vô minh”. Kinh Tịnh Danh nói “một niệm biết tất cả pháp chính là ngồi vào đạo tràng vì thành tựu Nhất thiết trí, cũng là nhập vào pháp

môn bất nhị mà đạt được Vô sanh nhĩ. Đại Phẩm nói “từ Sơ phát tâm tức liền ngồi vào đạo tràng chuyển pháp luân và độ chúng sanh. Nên biết, Bồ-tát này làm giống như Phật làm, cũng là pháp môn “chữ A” đó gọi là tất cả pháp bắt đầu “không sanh”. Điều này tương ứng với kinh nay nói “vì khiến chúng sanh khai mở trí kiến Phật” cũng như Long nữ trong khoảng khắc một sát na phát khởi tâm Bồ-đề mà thành Đẳng Chánh giác, Cũng hợp với kinh Niết-bàn nói “Phát tâm ban đầu và tâm cuối cùng cả hai đều không có sai biệt”. Hai tâm: như vậy, thì tâm ban đầu phát khởi là khó nên các kinh đại thừa này đều nói rõ vị sơ phát tâm trụ viên mãn, cho đến vị Trụ thứ mười v.v...

Nói về Thập Hạnh tức từ Thập Trụ, sau đó dùng Thập tướng chơn thực sáng suốt không thể nghĩ bàn mười phen dùng trí đoạn phá mười phẩm vô minh nên khiến nhất hành bao trùm tất cả hạnh niệm niệm tiến đến lưu nhập vào biển pháp giới bình đẳng, các ba-la-mật tự tại vận dụng sanh trưởng công đức của tự hành, hóa tha giống như hư không v.v... cho nên gọi là địa vị Thập Hạnh.

Thập Hồi hương tức là cấp độ sau đó của Thập Hạnh thuộc “vô công dụng đạo” với sự chơn thật sáng suốt không thể nghĩ bàn mà niệm niệm phát triển rộng ra tất cả pháp giới với Nguyên và Hành, Sự và Lý tự nhiên dung hòa rồi quay trở về nhập vào biển pháp giới bình đẳng tiếp tục chứng thêm mười phen trí đoạn, phá mười phẩm vô minh nên gọi là Hồi hương.

Thập Địa tức là dùng đạo vô lậu chơn thật sáng suốt hội nhập “vô công dụng đạo” giống như đại địa, như chủ thể sanh ra tất cả Phật pháp, gánh vác hóa độ khắp pháp giới chúng sanh đều đi vào đại địa của Phật ở ba đời, lại chứng mười phen “trí đoạn” mà phá trừ mười phẩm vô minh cho nên gọi là Thập Địa.

Địa Đẳng giác tức là Quán chiếu thấu suốt tận cùng nguồn gốc của vô minh từ vô thủy, với trí tuệ viên mãn rốt ráo thanh tịnh vượt khỏi không gian và thời gian, với đoạn trừ sạch vô minh vi tế của tột cùng sau chót nhất mà bước thẳng lên đỉnh núi của “trung đạo” khác biệt với “cha mẹ” của vô minh, đó gọi là Sở hữu đoạn hay còn gọi là Hữu thượng sĩ.

Địa Diệu giác tức là trí của Phật giải thoát rốt ráo vô thượng nên nói Vô sở đoạn hoặc Vô thượng sĩ. Địa vị này tức là ba đức không còn trong giới hạn thời gian, không gian (tung, hoành), là tâm sau cứu cánh, là đại Niết-bàn. Tất cả đều lớn: lý lớn, thế nguyện lớn, trang nghiêm lớn, trí đoạn lớn, biến tri lớn, đạo lớn, dụng lớn, Quyền và Thật trí

lớn, lợi ích lớn, vô trụ lớn tức mười quán lớn này thành tựu Thừa (vận chuyển) viên mãn, tốt cùng, rốt ráo đến quả vị Phật.. Vượt qua chữ “Trà” và không có chữ nào có thể nói v.v... Vì thế, Phật Lô xá na được gọi là Tịnh Mãn nghĩa là tất cả đều viên mãn.

Phần thứ hai dẫn ra các kinh để nói rõ số vị nhiều ít như sau: Kinh Đại Niết-bàn nói “Tam muội Nguyệt Ái tức căn cứ vào mặt trăng để đặt tên. Mặt trăng từ ngày mồng một đến ngày rằm với sắc ánh sáng dần dần tăng trưởng. Lại từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi thì sắc ánh sáng dần dần tổn giảm. Sắc ánh sáng tăng trưởng thì ví như mười lăm Trí đức Ma-ha-Bát-nhã, sắc ánh sáng dần dần tổn giảm thì ví như mười lăm Đoạn đức giải thoát không hệ lụy. Ba mươi tâm làm ba Trí, Đoạn, mười Địa làm mười Trí, Đoạn, Đăng giác và Diệu giác mỗi địa vị làm một Trí, Đoạn. Tất cả hợp thành mười lăm Trí, Đoạn. Còn thể của mặt trăng ví như Pháp thân. Đại kinh nói “tánh của mặt trăng thường chơn thật viên mãn, không có tăng giảm. Nhân vì núi Tu Di mà mặt trăng có đầy có khuyết. Do không tăng mà tăng nên mặt trăng trắng (pháp thiện) dần dần sáng tỏ; do không giảm mà giảm nên mặt trăng đen (hắc nguyệt = pháp ác) dần dần đến không có ánh sáng. Pháp thân cũng như vậy, thật sự không có Trí, Đoạn, nhưng bởi vì vô minh cho nên, căn cứ ở Như để luận, về Trí nhưng Như thật ra không là Trí, lại căn cứ ở Như để luận về Đoạn mà Như thật ra không là Đoạn. Tuy không có Trí mà là Trí vì Bát-nhã dần dần sáng tỏ. Tuy không có Đoạn mà là Đoạn vì giải thoát dần dần xa lìa. Kinh Niết-bàn nêu ra thí dụ mặt Trăng thì biết đó chính là Trí Đoạn của Viên giáo. Đại kinh nói “Từ ban đầu, an trí các con vào ba đức Niết-bàn của tạng bí mật, sau đó Ta sẽ ở trong tạng bí mật này mà Bát Niết-bàn”. Đây tức là Trí, Đoạn tối hậu.

Hỏi: Vì sao biết mặt trăng là dụ cho các vị?

Đáp: Kinh Nhân vương nói mười bốn Nhẫn tức ba mươi tâm làm ba thứ trí tuệ, mười địa làm mười thứ trí tuệ, Đăng giác làm một thứ trí tuệ. Mười bốn thứ trí tuệ ở tại trong tâm của Bồ-tát đều gọi là Nhẫn. Nếu chuyển biến đạt đến tâm Phật thì gọi là tuệ. Điều này cùng với địa vị Trí của ví dụ về mười lăm ngày Trăng đồng nhau. Kinh Thắng Thiên Vương nói “mười bốn vị của Trí tuệ chính là dùng mười bốn ngày Trăng làm thí dụ” cho nên tạo ra cách giải thích này. Đại Phẩm nói “bốn mươi hai môn chữ, ngôn ngữ, chữ v.v... Thiên sư Nam Nhạc nói “đây là mật ngữ của chư Phật, nhất quyết không thể tiêu biểu cho bốn mươi hai vị? Các người học chấp vào Thích Luận mà cho rằng không có cách giải thích này nên đa phần nghi ngờ mà không sử dụng. Nhưng bản văn của

luận có cả ngàn quyển, Ngài Thập sư đã làm Cửu bội tóm lược các chữ trên, thì đâu hẳn không có giải thích này? Nay cho rằng các chữ phải hiểu sâu xa là tương ứng với sự “bao trùm hội nhập”. Vì sao? Vì kinh nói “ban đầu chữ A cuối cùng chữ Trà chính giữa bốn mươi chữ. Chữ A đã bao trùm hội nhập đủ bốn mươi một chữ và chữ “Trà” cũng như vậy. Hoa Nghiêm nói “Từ bắt đầu một Địa đã đầy đủ công đức của tất cả Địa”. Nghĩa này tức đồng với kinh nói “nếu nghe môn chữ A tức hiểu tất cả nghĩa: đó gọi là nghĩa “Không sanh” đầu tiên của tất cả pháp. Như vậy, há chẳng phải Sơ trụ của Viên giáo bắt đầu đạt được Vô sanh pháp nhẫn ư? Nếu vượt qua chữ Trà không có chữ nào có thể nói há chẳng phải Diệu giác vô thượng không có gì vượt qua. Phẩm Quảng Thừa nói “tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn rốt ráo” tức nói bốn mươi hai môn chữ. Há chẳng phải là Bồ-tát của Viên giáo từ “sơ phát tâm mà đạt được Thật tướng của các pháp đầy đủ tất cả Phật pháp! Cho nên, nói chữ A, vì đến địa vị Diệu giác cùng tột bờ mé của tất cả pháp cho nên gọi là chữ “Trà”. Nghĩa này, số ấy và địa vị viên mãn tự phân minh rất rõ ràng. Lại nữa, sau bốn mươi hai chữ tức nói về mười địa của Bồ-tát. Đây là hiển bày vị thứ phương tiện của Biệt giáo. Lại nữa sau mười địa nói ba thừa chung với mười địa. Đây là hiển bày địa vị phương tiện của Thông giáo. Văn kinh kế tiếp so sánh rõ rệt, nhưng nay lấy bốn mươi hai chữ để chứng minh địa vị của Viên giáo. Phẩm Phân Biệt Công Đức nêu ra địa vị sơ tâm của năm phẩm đệ tử văn nói rất rõ ràng. Phẩm Pháp Sư Công Đức nói rõ với tướng sáu căn thanh tịnh. Phẩm Phương tiện nói “Chư Phật vì một sự nhân duyên lớn cho nên xuất hiện ở đời, vì khiến chúng sanh khai mở tri kiến Phật... (bốn câu)” Thiền sư Nam Nhạc giải thích “Khai mở tri kiến Phật là địa vị Thập Trụ. Chỉ ra tri kiến Phật là địa vị Thập Hạnh. Ngộ tri kiến Phật là địa vị Thập hồi hương. Nhập vào tri kiến Phật là địa vị Thập địa, Đẳng giác. Nói về “cái biết” của Phật tức là đạt được Nhất Thiết Chủng trí. Nói về “cái thấy” của Phật tức đạt được Phật nhãn. Kinh nói “Chư Phật vì một sự nhân duyên lớn” tức đồng nhập vào một thừa hay Thật tướng của các pháp” tức là địa vị Diệu giác. Lại nữa phẩm Thí Dụ nói “các người con ra khỏi cửa đời xe và Trưởng giả đều bình đẳng ban cho một thứ xe lớn. Bấy giờ, các người con cưỡi xe báu ấy dạo chơi khắp bốn phương với tâm vui mừng hoan lạc, tự tại vô ngại mà thẳng đến đạo tràng”. Nói bốn phương tức thí dụ cho “khai, thi, ngộ, nhập” bốn mươi vị. “Thẳng đến đạo tràng” tức là rốt ráo Thật tướng hay quả vị Diệu giác. Trong phẩm Tựa nói “trời mưa bốn loại hoa” tức biểu hiện rõ bốn mươi nhân vị nhân này. Như ở trên,

đã dẫn ra các kinh để làm chứng cho đến nay dẫn ra văn kinh nói rõ bốn mươi hai vị như vậy đều là nói vị thứ của không có vị thứ. Vì để thâu đạt Thật tướng, làm tăng trưởng đạo mà tổn giảm sanh cho nên luận về vị thứ đó thôi!

Phần thứ ba: Giải lược: Hỏi: Vô minh che lấp Phật tánh, trung đạo chỉ tạo ra bốn mươi hai phẩm đoạn chăng? Đáp: Vô minh tuy không hề có gì, không thể có mà có, nên không thể không có phẩm bậc. Phần lớn, xưa nay đều làm bốn mươi hai phẩm nhưng số phẩm ấy vô lượng vô biên. Đại Luận nói “phẩm loại vô minh, số ấy rất nhiều cho nên nhiều chỗ nói về Tam muội phá trừ vô minh”. Lại nói “pháp ái khó diệt mất, nên nhiều chỗ nói lại “Bát-nhã”. Các địa vị viên mãn này không thể nghĩ bàn. Nếu chỉ đối với pháp môn mà suy tìm thì mất ý cho nên đa phần giải thích và chấp riêng biệt tức trái với đạo viên dung. Như các địa vị này v.v... chớ có lấy phạm tình hạn cục, càng không thể dùng phạm tâm tuyên nói đó. Hoa Nghiêm nói “các địa không thể nói, hướng gì chỉ cho người lại còn sắp đặt sự việc này! Nếu đại thừa sám hối phát khởi tâm tin tưởng trọn vẹn tùy hỷ ban đầu thì đạt được một Đà-la-ni. Đã không thể hướng người nói tức tuy có nhiều loại phân biệt cũng không thể hiểu hướng gì các địa vị sau. Hàng Nhị thừa còn không nghe được tên ấy há người phạm có thể tuyên nói! Lời nói này có ý Đại sư tự nói mình chứng đạt, lại còn sắp đặt sự việc này! Thanh văn học bốn niệm xứ phát khởi đạt được “pháp Noãn” cũng không thể hướng đến Ngoại phạm mà nói hết. Giả sử nếu có thiết lập nhiều cách giải thích cũng không thể biết, lại còn sắp đặt sự việc này! Như người tọ thiền ban đầu phát khởi “năm chi”, không thể vì người chưa chứng mà nói. Giả sử nếu có lập ra phương tiện để nói thì người kia cũng không hiểu, lại còn sắp đặt sự việc này! Như người đéo gọt làm bánh xe không thể dùng kỹ thuật của mình để trao truyền cho con cái hướng hồ các pháp sâu xa mà có thể nói! Người học đời sau, đa phần chấp vào phương tiện đoạn trừ của Kinh Luận mà tranh cãi v.v... Như tánh của nước vốn lạnh, nếu không uống thì sao biết được. Đây là duyên đưa đến của chư Phật không thể nghĩ bàn. Lời nói tùy căn cơ tăng giảm nên số vị cũng bất đồng. Ông chưa chứng đắc Không thì tranh luận làm gì? Nguyên cho khắp pháp giới chúng sanh quay về nương tựa vào Tăng để dứt trừ tranh luận mà nhập vào biển hòa hợp rộng lớn! Lại dùng bốn câu giải lược địa vị viên mãn: Hoặc khai mở đầu mà hợp sau, hoặc sau khai mở, đầu hợp, hoặc đầu và sau đều khai mở, hoặc đầu và sau đều hợp. Như Đại kinh nói “cõi trời thứ ba mươi ba dùng nước cam lộ bất tử khiến

tướng thần cùng uống”. Đây là ví dụ cho các địa vị: Khai mở trước làm ba mươi tâm, hợp mười địa làm một tâm. Đẳng giác làm một tâm. Thí dụ ba mươi hai vị thần dụ cho vị nhân còn Điều giác làm chủ dụ cho vị quả. Vua và thần đồng uống nước Cam lồ, nhân và quả đều chứng đạt “thường lạc”. Nếu không dùng địa vị viên mãn để giải thích điều đó thì văn này khó mà hiểu được. Đây là khai ban đầu mà hợp sau để nói rõ địa vị viên mãn. Nếu mười bốn loại trí tuệ hợp ba mươi tâm làm ba loại trí tuệ khai mười Địa làm mười trí tuệ xét theo ở Đẳng giác làm mười bốn loại trí tuệ tức đều là nhân vị. Nếu chuyển nhập vào biển Tát-bà-nhã tức là vị quả. Đây là hợp trước mà khai mở sau để nói rõ địa vị viên mãn. Nếu bốn mươi hai môn chữ thì tức trước sau đều khai mở để nói rõ địa vị viên mãn. Nếu “trời mưa bốn thứ hoa” biểu hiện “khai, thị, ngộ, nhập” và “đạo chơi khắp bốn phương” thì đó là trước sau đều hợp. Sự khai và hợp của các kinh đều có chỗ bất đồng nhưng đều là phương tiện Tát-đàn mà rõ ràng địa vị viên mãn.

3. Nói rõ sự đoạn trừ và hàng phục của địa vị Viên giáo: Năm phẩm đã hiểu trọn vẹn về “một Thật Tứ đế”. Tâm của cấp độ này, mỗi niệm đều tương ứng với pháp giới và các Ba-la-mật. Do thể biến khắp không có điên đảo, tà vạy, thiên lệch và hàng phục trọn vẹn “gốc ngọn, cành lá” của hoặc chướng cho nên gọi là “hàng phục Nhẫn”. Tâm ban đầu của các giáo không có phần khí này. Đại kinh nói “người học đại thừa, tuy có nhục nhãn nhưng vẫn gọi là Phật nhãn. Tiếng chim kêu của con chim Ca-lăng-tần-già khi mới chui ra khỏi vỏ trứng còn vượt trội hơn cả tiếng của các con chim khác. Ví như tiểu thừa hàng phục Noãn pháp, ở Phật pháp thì có còn ngoại đạo không có. Nay, địa vị Phục nhẫn này đối với Viên giáo thì có, còn ba giáo khác đều không có. Địa vị Thập tín hàng phục đạo chuyển biến mạnh mẽ, phát khởi đạt được hiểu tương tự để phá trừ Kiến hoặc, Tư hoặc bên trong giới và vô tri, Trần-sa hoặc thuộc trong ngoài giới. Như văn kinh nói “nếu đạt được ba thứ Đà-la-ni thì chỉ gọi là đạo tương tự chưa phải là chơn đạo. Triền-đà-la-ni là xoay chuyển giả nhập chơn. Trăm ngàn Triền-đà-la-ni là trở lại chơn đi vào tục. Phương tiện Pháp âm chính là đạo hàng phục, chưa được nhập vào trung đạo. Như kinh Anh Lạc nói “Từ Giả quán nhập vào Không quán, tuy đoạn Kiến hoặc và Tư hoặc nhưng chỉ lìa khỏi hư vọng nên gọi là giải thoát mà chưa đạt toàn phần giải thoát. Nên biết, sáu căn tuy thanh tịnh nhưng thuộc về vị trí đạo hàng phục, nhu thuận nhẫn, bốn thiện căn, Đảnh pháp, Noãn pháp của Viên giáo. Nếu nhập vào “Sơ trụ” tức đạt được Chơn pháp âm Đà-la-ni, đến khi phá trừ vô minh mới

gọi là “Đạo Đoạn”. Nếu thấy được Phật tánh thường trụ, Đệ nhất nghĩa lý thì gọi là vô sanh nhẫn của Viên giáo. Địa vị Thập Hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác đều phá vô minh đồng với địa vị Vô sanh nhẫn này. Diệu giác đối với đạo Đoạn đã thành tựu viên mãn rồi ráo nên gọi là Nhẫn tịch diệt. Nếu ước định địa vị để riêng biệt phán quyết hai thứ nhẫn: Nhẫn hàng phục, nhẫn nhu thuận thì chỉ hàng phục mà không đoạn trừ nên tương ứng với “đạo vô ngại”. Một vị nhẫn của Diệu giác chỉ đoạn trừ mà không có hàng phục cho nên theo thông lệ tương ứng với “đạo giải thoát”. Riêng một nhẫn của vô sanh là cũng điều phục, cũng đoạn trừ, cũng vô ngại, cũng giải thoát. Nếu luận về nghĩa thông suốt thì Nhẫn tịch diệt của Diệu giác cũng gọi là Vô sanh nhẫn. Đại kinh nói “Niết là không sanh còn Bàn là không diệt, không sanh không diệt gọi là đại Niết-bàn cũng gọi là Phục nhẫn. Kinh Nhân vương nói: “Từ sơ phát tâm cho đến Kim cang đánh đều gọi là Phục nhẫn”. Phục là nghĩa Hiền. Bồ-tát Phổ hiền đứng đầu trong các pháp hàng phục. Phục nhẫn đã thông suốt thì thuận nhẫn có thể hiểu. Phục và thuận đã thông suốt ở trên thì Tịch diệt và Vô sanh nhẫn cũng nên thông suốt ở dưới. Kinh Tư ích nói: “Tất cả chúng sanh tức là Diệt tận định”. Kinh Tịnh Danh nói “tất cả chúng sanh đều là Như”. Như tức là Vô sanh nhẫn. Lại dựa theo sự làm vô sanh, dựa theo lý làm “tịch diệt”, lại phần chứng là Tịch diệt nhẫn “nuông nhịn quả” làm “Vô sanh nhẫn”. Nếu ước định ở nhân quả thì cũng có chung và riêng. Chung tức tất cả chúng sanh đều là Đại Niết-bàn. Đây là ước định vào nhân để luận về quả. Phật tánh gọi đó làm nhân tức ước định vào quả để luận về nhân. Đại kinh nói “quả này chẳng phải nhân nên gọi là Đại Niết-bàn còn nhân này chẳng phải quả nên gọi là Phật tánh. Nếu thấy rõ Phật tánh thì đó là Phật cho nên cũng đạt được nhân này v.v... Đẳng giác so với Diệu giác thì là nhân, còn so với về Bồ-tát tức là quả. Từ đây trở xuống dưới hình thành cũng nhân, cũng nhân của nhân, cũng quả, cũng quả của quả. Nếu căn cứ nghĩa riêng thì hai thứ nhân Hàng phục và Nhu thuận chưa phải là nhân chơn thật, một nhẫn Vô sanh chưa phải là quả chơn thật. Từ Thập Trụ trở lên gọi là nhân chơn thật và Diệu giác gọi là quả chơn thật. Tại sao gọi hai pháp nhẫn: Hàng phục và nhu thuận chẳng phải nhân chơn thật? Điều này giống như địa vị phương tiện của tiểu thừa không gọi là địa vị “Tu đạo”. Từ Kiến đế trở lên mới ước định là tu đạo chơn thật. Nghĩa này có thể biết. Nay trong nhẫn nhu thuận đoạn trừ Kiến hoặc, Tư hoặc như dầu nổi trên nước sự giả tạo dễ thổi. Vô minh là đồng thể với hoặc như sữa có mặt trong nước. Chỉ có đấng

trụ trở lên, Bồ-tát mới như ngỗng chúa có thể uống cạn sữa vô minh khiến nước pháp tánh trở nên trong suốt. Từ vị này trở đi chính là phán quyết nhân chơn thật. Lại nữa Biệt giáo phán quyết địa thứ ba, hoặc địa thứ tư đã đoạn hết Kiến hoặc, địa thứ sáu và địa thứ bảy đã đoạn sạch Tư hoặc nhưng điều này không nên như vậy, vì sao? Vì vô minh Kiến hoặc và Tư hoặc đều đồng thể thì sao được nói đoạn hết ở trước và sau? Mà phải Biệt giáo trợ giúp thêm cho tiểu thừa phương tiện mà nói đó thôi! Nếu “Kiến hoặc” trước đã đoạn hết thì “thật lý” không còn chướng ngại nữa, sao lại nói mười địa thấy “không có rõ ràng”? Luận Trì Địa nói “địa thứ chín lia tất cả cái thấy thanh tịnh và thiền thanh tịnh. Địa thứ chín là Đăng giác nhập vào “lia cái thấy và thiền” nên thành tựu quả Bồ-đề rộng lớn”. Nếu Kiến hoặc trước đoạn hết thì Đăng giác còn chỗ nào để xa lia? Nếu Tư hoặc trước đoạn hết thì địa sau phải không có quả báo và các thiền định. Vì sao? Kinh Hoa Nghiêm nói rõ có A-tăng-kỳ mây hương, mây hoa không thể nghĩ bàn bao phủ đầy kín cả pháp giới”. Đây là quả báo thắng diệu của Bồ-tát chiêu cảm năm trần nên gọi đó là tư hoặc của Dục giới. Tất cả Bồ-tát đều ra vào trong vô lượng trăm ngàn Tam muội, thiền định với tâm hàng phục pháp trần nên gọi đó là Tư hoặc của sắc và vô sắc giới. Nếu “Tư hoặc” của địa thứ bảy đã hết thì địa trên nên tuyệt dứt “sáu trần” cơ sao lại nói ba Hiền và mười Thánh trụ ở quả báo? Nếu trụ ở quả báo thì Tư hoặc trước không có đoạn hết. Nay nói rõ “Kiến hoặc” và “Tư hoặc” thông suốt đến địa trên và Phật địa mới đoạn trừ hết cho nên nói “chỉ có Phật cư trú ở Tịnh độ, chỉ có Phật mới đủ khả năng thấu tận cội nguồn”. Do đó hàng phục và đoạn trừ như phân phân biệt trước v.v... Hỏi: Nội giới ắt trước hết đoạn trừ “Kiến hoặc” kế đến đoạn trừ “Tư hoặc” và sau đoạn trừ “vô tri” vậy ngoại giới gì lại không phải như vậy? Đáp: Nội giới vì nổi khổ đau nặng nề của ba đường ác nên trước tiên đoạn “Kiến hoặc”, kế đến đoạn “Tư hoặc” và sau cùng đoạn trừ “vô tri”. Ngoại giới với nổi khổ nhẹ nhàng cho nên trước đoạn cành nhánh của “hoặc” và sau mới đoạn gốc rễ của “hoặc”, vả lại, Tư hoặc và vô tri không có chướng ngại đối với “chơn thật thiên lệch” và vì thấy chơn lý cho nên trước hết đoạn trừ Kiến hoặc. “Trần-sa hoặc” của ngoại giới là thể hoặc ở trên, vì khả năng xa chướng ngại lý cho nên trước hết loại bỏ chướng xa và kế đến đoạn trừ chướng ngại gần v.v... Lại nữa trong Tam tạng giáo nói thân sau của Bồ-tát siêu vượt lên quả của hàng Nhị thừa vượt quả vị tuy “Kiến hoặc” và Tư hoặc đồng thời đoạn trừ cũng trước tiên đoạn Tư hoặc v.v... nếu không siêu vượt quả thì đoạn trừ có trước sau!

Theo Thông giáo thì cũng có hai nghĩa: Siêu vượt và không siêu vượt. Theo Biệt giáo thì việc đoạn trừ “hoặc” có thứ tự trước sau. Theo Viên giáo thì sự đoạn trừ hoặc xảy ra cùng một lúc nếu hỏi trước sau thì chỉ một cách đoạn Kiến hoặc theo thứ tự tiếp thời v.v...!

4. Nói rõ công dụng: Nếu phân từng chữ để giải thích nghĩa thì “Công” tức luận về tự tiến tới còn “Dụng” tức luận về việc làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu hợp chữ mà giải thích thì chính là nói về sự giáo hóa chúng sanh tức địa vị của năm phẩm. Lý tuy chưa hiển bày mà Tuệ quán đã viên mãn. Tuy có đủ tánh phiền não nhưng có khả năng biết tạng bí mật của Như lai làm nơi nương tựa cho thế gian. Nếu ai nương tựa vào người này thì giống như nương tựa vào Như Lai vậy. Nên biết, người này không lâu sẽ đi đến đạo tràng gần gũi với Tam-miêu-tam-bồ-đề khiến tất cả thế gian đều đồng hưởng về lễ lạy, tất cả Hiền Thánh đều ưa nhìn người đó. Nếu sáu căn hiểu tương tự, Quán chiếu trọn vẹn và chuyển biến rõ ràng thì mãi mãi xa lìa biển khổ có thể dùng một âm thanh vi diệu biến khắp ba ngàn thế giới, tùy ý đều được lại khiến tất cả trời rồng đều hưởng chỗ của người ấy lắng nghe pháp. Sự thuyết pháp của người ấy khiến tất cả đại chúng đều hoan hỷ cũng là nơi nương tựa bậc nhất. Nói về nơi nương tựa thì kinh Niết-bàn trình bày có bốn loại nương tựa (Tứ Y) với nghĩa thông suốt, Biệt, Viên giáo. Những Thầy Tổ đa phần ước định Biệt giáo để phán quyết Địa tiền gọi chung là nơi nương tựa ban đầu. Từ Đăng địa cho đến Địa thứ ba đoạn trừ sạch “Kiến hoặc” gọi là “Tu-đà-hoàn và đến địa thứ năm xâm hại đến “Tư hoặc gọi là “Tư-đà-hàm” là nơi nương tựa thứ hai. Nếu đạt đến địa thứ bảy khiến “Tư hoặc” được đoạn sạch tức chứng A-na-hàm thì gọi là nơi nương tựa thứ ba. Từ địa thứ tám đến địa thứ mười đã đoạn sạch ba tập của sắc, dục và tâm tức chứng A-la-hán nên gọi là chỗ nương tựa thứ tư. Nếu chọn Viên giáo so chiếu với về Biệt giáo thì ước định ở Thập Trụ mà nói rõ ba nơi nương tựa và đối với trước Trụ hợp thành bốn nơi nương tựa. Nếu hợp trước sau phán định thì năm phẩm sáu căn làm nơi nương tựa thứ nhất; “Thập Trụ” là nơi nương tựa thứ hai; “Thập Hạnh và Thập Hồi hướng” làm nơi nương tựa thứ ba, Thập Địa và Đăng giác làm nơi nương tựa thứ tư.

Từ “Sơ trụ” trở lên tổng luận về công dụng: Nếu công cạn thấp chưa sâu thì dụng hoạt động không rộng. Còn như công lực sâu sắc thì dụng hoạt động rộng rãi. Ví như các cây với rễ bám sâu vào lòng đất thì cành nhánh sum xuê hoa lá... “Sơ trụ phá được một phần vô minh thì đạt được một phần của hai mươi lăm Tam muội, hiển bày một phần

“tánh ngã”. Nếu luận về chỗ thật ấy thì không thể nghĩ bàn. Nếu nương vào giáo môn thì rộng khắp trăm pháp giới của Phật; phân thân tạo hình khắp mười pháp giới làm lợi ích cho chúng sanh. Như vậy từng trụ tiến vào chuyển biến sâu xa gấp nhiều lần hơn, khiến vô minh dần dần đoạn sạch. Tam muội chuyển tăng, từng phần Tánh ngã hiển bày với dụng dần dần rộng lớn. Ngàn vạn hằng hà sa thế giới của Phật không thể nghĩ bàn không thể nói cõi Phật, khắp cõi như vậy với tám tướng thành đạo giáo hóa chúng sanh hướng hồ thân của chín pháp giới khác. Các hành các địa cũng lại như vậy. Nếu luận về sự viên mãn ấy thì chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo nguồn gốc của vô minh. Do đó kinh nói “Như trong tâm Phật không có vô minh mà chỉ có Phật, bậc Pháp vương trụ ở Tam muội cứu cánh Pháp thân của Tỳ lô giá na ngang khắp pháp giới và dọc đến tột cùng Bồ-đề với công lớn viên mãn và dụng thù thắng đầy đủ v.v...”

5. Thông qua các vị để luận về thô và diệu: Vị cỏ nhỏ chỉ thoát khỏi bốn cõi (bốn loài) mà không động, không xuất; vị cỏ bậc trung tuy có chuyển động và xuất ra nhưng trí không thấu cùng tận nguồn, ân không phổ cập mọi loài; cỏ bậc thượng tuy có thể kèm thêm cứu giúp nhưng diệt sắc còn vụng về; cây nhỏ tuy khéo léo diệt sắc mà công dụng ngang bằng với nội giới cho nên đều là thô. Cây lớn thật sự đồng duyên với trung đạo, đều phá vô minh đồng thời có công dụng của ngoại giới cho nên gọi đó là diệu. Tuy nhiên, Biệt giáo, theo môn phương tiện do nhân duyên chuyển quanh co ứng xử vụng về nên địa vị ấy cũng là thô Viên giáo theo môn thẳng thắn cho nên gọi là diệu. Lại nữa Bồ-tát của Tam tạng giáo hoàn toàn không đoạn “hoặc” so với năm phẩm của Viên giáo chỉ từ bằng đến kém hơn. Do giống ở chỗ không đoạn “hoặc” cho nên nói ngang bằng. Do năm phẩm hiểu viên mãn lý “thường trụ”, mà Bồ-tát kia hoàn toàn không nghe về “thường trụ” cho nên nói kém. Nếu Phật vị của Tam tạng giáo trừ hết “Kiến hoặc” và “Tư hoặc” so với địa vị sáu căn thanh tịnh thì có bằng nhau và có thấp kém. Nếu đồng phá trừ bốn trụ phiền não nên gọi là bằng nhau. Nếu hàng phục vô minh hoặc thì Tam tạng giáo tức thấp kém hơn. Phật vị còn là kém, thì hàng nhị thừa có thể biết! Nên biết ba loại cỏ còn mông lung khiến phát sanh dụng còn nông cạn và ngăn cho nên vị ấy đều là thô. Nếu “Can tuệ địa và Tánh địa so với địa vị của năm phẩm thì cũng có bằng nhau và thấp kém. Điều này theo thông lệ cũng như trên v.v... Nếu Bát nhơn địa, địa thứ sáu đã đoạn sạch Kiến hoặc và Tư hoặc, địa thứ bảy tu phương tiện, cho đến Phật địa đoạn trừ sạch “tập hoặc” mà

so với địa vị “Tương tự giải” của Viên giáo thì có bằng có thấp. Điều này theo thông lệ cũng nên hiểu như trên. Nên biết, vị cây nhỏ chưa có năng lực của “can-vân-bà-sa” cho nên đều gọi là thô. Nếu Thập tín của Biệt giáo so với năm phẩm thì cũng có bằng, có thấp. Do đồng chưa đoạn hoặc cho nên gọi là bằng nhau. Thập tín trải qua riêng biệt, năm phẩm hiểu viên mãn nên hơn. Thập Trụ của Biệt giáo đoạn thông suốt “Tư hoặc” và “Kiến hoặc”, Thập Hạnh phá “Trần-sa hoặc”, Thập hồi hướng hàng phục “vô minh hoặc” chỉ cùng với Thập Tín của Viên giáo bằng nhau, hoặc hơn, hoặc kém v.v... Nếu Đăng địa phá trừ vô minh chỉ cùng với Sơ trụ của Viên giáo bằng nhau, vì sao? Vì nếu mười phẩm của Thập địa phá trừ vô minh thì Thập Trụ của Viên giáo cũng là mười phẩm phá trừ vô minh, Giả thiết chia mười địa làm ba mươi phẩm tức chỉ cùng với ba mươi phẩm của Thập Trụ bằng nhau. Nếu cùng để luận thì Viên giáo không thể chia Thập Trụ mà hợp lấy ba mươi tâm làm ba mươi phẩm bằng với ba mươi phẩm thuộc Thập địa của Biệt giáo. Tức là Thập Địa Biệt giáo bằng với Thập hồi hướng của Viên giáo! Nếu riêng lấy để luận thì Phật địa của Biệt giáo cùng với “sơ hành” của Viên giáo bằng nhau. Nếu cùng để luận thì Phật địa của Biệt giáo bằng Sơ địa của Viên giáo. Nên biết, Biệt giáo phương tiện nói phán định Phật vị thì cao, so với Thật để nói thì Phật vị ấy còn thấp. Ví như phương ngoài chưa yên giấc mà trao chức quan tức là cao, còn định phẩm tước luận công sắp đặt chức quan tức là thấp. Biệt giáo là nói phương tiện tuy cao mà “thô”, Viên giáo nói thật trí tuy thấp nhưng mà diệu. Thí dụ này có thể hiểu: Vì “nhân của tôi” làm “quả của ông” cho nên địa vị của Biệt giáo là “thô”. Nên biết loại cây lớn tuy tàn lớn nhưng cần nhờ ở đất mới dần dần sanh ra và tăng trưởng. Do đó biết, địa vị của Viên giáo từ cấp độ ban đầu cho đến cấp độ sau cuối đều là nói thật hàng phục thật, đoạn thật cho nên nói là diệu v.v... Đại Luận nói “ví như có cây tên là Hảo Kiên sống trên đất một trăm năm nên cao một trăm trượng che phủ các loại cây khác. Đây là ví dụ cho địa vị của Viên giáo.

6. Nói về sự hưng khởi địa vị được trình bày như sau. Hỏi: Địa vị của Quyền thừa đều là thô vậy Phật ý gì lại nói? Đáp: Vì chúng sanh ưa thích bất đồng, sanh khởi thiện duyên bất đồng, biết lỗi mà cải đổi ác bất đồng, nghe thuyết chọn lấy để ngộ hiểu bất đồng cho nên Như Lai dùng các loại thuyết để đem lại lợi ích cho họ. Nếu người ưa thích thuộc nội giới thì nói hai giáo trước. Nếu người ưa thích ngoại giới thì nói hai giáo sau. Nếu người sanh khởi Sự thiện thuộc nội giới thì nói địa vị của Tam tạng. Nếu người sanh khởi Lý thiện thuộc nội giới thì nói địa vị của

Thông giáo. Nếu người sanh khởi sự thiện thuộc ngoại giới thì nói địa vị của Biệt giáo. Nếu người sanh khởi Lý thiện thuộc ngoại giới thì nói địa vị của Viên giáo. Nếu người phá trừ sự ác của nội giới thì nói địa vị của Tam tạng. Nếu phá trừ Lý ác thuộc nội giới thì nói địa vị của Thông giáo. Nếu phá trừ Sự ác của “Trần-sa hoặc” thì nói vị Biệt giáo. Nếu phá trừ Lý ác vô minh thì nói địa vị của Viên giáo. Nếu người duyên sự mà nhập chơn thì nói địa vị của Tam tạng. Nếu người duyên Lý mà nhập chơn thì nói địa vị của Thông giáo. Nếu từ sự mà nhập vào trung đạo thì nói địa vị Biệt giáo. Nếu duyên Lý mà thấy Trung đạo thì nói địa vị của Viên giáo. Như vậy vì nghĩa này cho nên các địa vị được hưng khởi với cấp độ cao thấp sai biệt vô lượng.

7. Nói rõ phước bỏ địa vị nghĩa là theo lý vốn không có địa vị vị là duyên hưng khởi, duyên đã mất nên việc hưng khởi địa vị cũng mất chứ chẳng phải “Pháp Hoa này bắt đầu lại phước bỏ. Phải biết rõ các ý lập và phá không thể vọng càn phá và lập. Vì sao? Vì vốn Như Lai thiết lập địa vị của Tam tạng là vì “quyền” khiến sanh khởi Sự thiện. Sự thiện đã sanh với dụng đầy đủ nên liền phải phá bỏ. Địa vị của Thông giáo và Biệt giáo cũng lại như vậy. Đây là ý phá và lập của Như Lai. Nếu trong luận Tỳ-đàm bà sa trình bày về nghĩa Bồ-tát thì Long Thọ lập đi lập lại nhiều lần để phá điều đó. Bởi vì nghĩa ấy làm mất đi phương tiện của Phật cho nên cần phải phá và do trình bày phương tiện của Phật cho nên phải lập. Đây là ý lập và phá của Long Thọ. Thông thường các luận sư đại thừa, hoàn toàn không chỉnh lý Tam tạng, thì đây tức là đánh mất phương tiện của Phật. Hoặc các Luận sư Tiểu thừa thông thường tìm chọn nghĩa kinh để giải thích luận đã hoằng truyền. Nói về nghĩa của Bồ-tát thì Tỳ-bà-sa tự nói nghĩa Bồ-tát nhưng không chịu dụng kinh Đại thừa để giải thích hai môn: Không và có của Tam tạng! Vậy đâu thể thuận theo cùng hiểu? Điều này có hai lỗi: 1. Chôn vùi đi phương tiện của Phật; 2. Rõ ràng luận chủ không hiểu nghĩa Bồ-tát. Vì hai lỗi này nên phải phá. Ví dụ khiến cho dẫn kinh để giải thích nghĩa đại thừa thì đại thừa ấy ra sao? Nếu hiểu theo đại thừa của Thông giáo thì ba thừa đồng nhập vào Chơn để cho đến Phật cũng thế, sao có địa thứ tám quán “trung đạo mà phá vô minh? Cho nên nghĩa thông giáo không thành, cần phải phá. Nếu hiểu theo nghĩa đại thừa của Biệt giáo thì ban đầu từ sơ tâm cùng với Nhị thừa khác biệt nhau, sao có địa thứ sáu ngang bằng với A-la-hán? Như vậy, nghĩa Biệt giáo không thành cần phải phá! Lại nữa Biệt giáo là phương tiện chấp vào “quyền” mà chê bai “thật” cho nên cần phải phá. “Người xưa nghĩa xưa cố định. Nay

xét thấy lỗi ấy cho nên cần phải phá để làm sáng tỏ phương tiện của Phật, lại nên phải lập nghĩa. Đây tức là ý phá và lập của thời nay. Nhưng Viên giáo bắt đầu từ một bậc Thầy siêu vượt “ba quyền trí” tức cảnh trí của một thật nên “hành vị” không đồng với trước nói. Nếu văn, lý có gặp trở ngại thì cũng cùng du ngoạn; đã đánh mất ý chỉ, sai lối đi xưa, thì xin mời theo Thầy giỏi chỉ dẫn. Trước hết nêu ra ý này và kế đến nói rõ phế bỏ địa vị. Nếu Phật dựa trên căn cơ để hưng khởi, phế bỏ hoặc phá và lập thì tức là như kinh Vô Lượng Nghĩa nói “vô lượng pháp từ một pháp mà sanh ra tức hai đạo, ba pháp và bốn quả” hai đạo tức Đốn giáo và Tiệm giáo, ba pháp là ba thừa, bốn quả tức bốn quả vị”. Vô lượng pháp này từ một pháp mà sanh ra, vì sao? Vì hai đạo vốn đã là Đốn và Tiệm giáo. Đốn tức là đạo lớn, như mặt trời chiếu soi trên núi cao, (tạm chưa luận đến). Nay nói rõ sơ khởi của Tiệm giáo tức Tam Tạng giáo. Giáo nói “vì cầu làm Phật nên trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp tu hạnh “sáu độ”. Suốt trăm kiếp gieo trồng tướng ấy mới có thể được làm Phật”. Vì muốn chúng sanh phát khởi sự thiện nên tạo ra thuyết này. “Vì muốn cầu Phật” tức là cải đổi ác thành thiện. Như vậy, khi thiện được thiết lập thì phế bỏ giáo tức liền phá mà nói rằng: Bồ-tát há không đoạn trừ kiết hoặc mà đạt được Bồ-đề, như cái bát độc không thể đựng thức ăn để ăn. Giáo này tức phế bỏ và hành vị cũng phế bỏ. Xưa hưởng về quả để hành nhân, nay không có quả có thể hưởng về và ngay cả trí Phật, vị Phật cũng đều phế bỏ. Nếu ước định vào hàng Nhị thừa mà luận phế bỏ thì xưa khiến cho Sự hành điều phục tâm, từ vụng về ước đoán thấy chơn, thấy Chơn đế rồi thì ý giáo liền đầy đủ. Vì thế, phế bỏ Tích giáo phân tích kia. Do nghĩa này nên nói phế bỏ Tạng giáo mà lập Thông giáo. Bởi vì theo Thông giáo, không học Tam tạng thì không thể đối với người này mà luận về ý phế, lập thuộc Thông giáo do để phát khởi Lý thiện. Thế pháp đoạn trừ hoặc nên từ “khéo vượt qua mà nhập vào Chơn đế” tức ý giáo đầy đủ. Người trí thấy “không” lại nên thấy bất không thì sao đạt được thường trụ đối với “không”! Thông giáo tức phế bỏ, trí hạnh của Bồ-tát và địa vị Phật trí cũng phế bỏ v.v... Hàng nhị thừa chỉ có giáo phế bỏ và các địa vị khác v.v... cũng thế. Thông giáo này thông suốt Thông và Biệt giáo tức ý Cộng Bất-nhã như trên nói còn ý Bất cộng Bất-nhã thì “có” mà không phế bỏ v.v... Nên biết các Luận sư Thành Luận và Địa Luận thấy ý cộng Bất-nhã mà không thấy ý Bất cộng Bất-nhã. Luận sư Trung quán chỉ thấy ý Bất cộng mà mất ý Cộng Bất-nhã. Thông giáo đã đầy đủ hai ý nên đối với Bồ-tát của Thông giáo và phương tiện Thanh văn đều mang nghĩa phế bỏ. Nếu trụ quả Thanh

văn thì chưa phải là nghĩa phế bỏ và “Bồ-tát bất cộng” thì không có nghĩa phế bỏ v.v... Nếu khi khởi Biệt giáo thì sanh sự thiện thuộc ngoại giới. Nếu phá vô tri Trần-sa-hoặc thì Sự thiện đã thành và ý giáo tức đầy đủ. Lại cần phá Sự tùy theo chúng sanh nói cho nên giáo của Biệt giáo cũng nên phá bỏ. Vị hành của Địa tiền thủy đều phế bỏ, địa vị của Địa thượng và Phật vị cũng đều phế bỏ từ cao quay về thấp cho nên phế bỏ Biệt giáo mà lập Viên giáo. Địa vị tám địa của Viên giáo đều là vị thật cho nên không cần phế bỏ. Đại kinh nói “tất cả sông ngòi đều có quanh co, tất cả rừng núi đều có cây cối”. Các giáo tùy tình cho nên có quanh co. Ba loại cỏ, hai loại cây là phương tiện của Phật cho nên chẳng phải chơn thật nên cần phải phế bỏ vị. Sông lớn Kim Sa chảy thẳng vào biển Tây; cây Kim ngân đều là rừng báu chẳng cong co mà thẳng tắp cho nên không phế bỏ. Xưa kia từ “Đốn giáo xuất Tiệm giáo, lại Tiệm giáo không hợp với Đốn giáo, lại dẫn Tiệm giáo đi vào Đốn giáo nên mọi chỗ cần phải phế bỏ. Nay đã gom về “Đốn giáo” thì Đốn giáo sao cần phải phế bỏ! Văn kinh nói “mới thấy thân ta v.v...” cho nên không phế bỏ một giáo. Lại nói “chỉ nói đạo vô thượng” tức đạo này không có phế bỏ. Xưa kia “ở trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba” tức ba thừa không hợp lại. Vì muốn ba thừa hợp lại một chỗ cho nên cần phải phế bỏ. Nay gom ba thừa quy về một đồng với “nhận lấy một thứ xe” cho nên không thể phế bỏ một hành. Xưa kia bốn quả cách biệt nghĩa là La hán, Bích chi Phật, quả tu tập của Bồ-tát, quả phương tiện của Phật; lại bốn Phật làm bốn quả nên muốn kết hợp quả này mà mỗi chỗ cần phải phế bỏ. Nay “Am tranh” đã phá, “Hóa thành” lại diệt đồng đi đến “Bảo sở” cho nên không thể phế bỏ một quả. Tuy nhiên ba giáo đều có phế bỏ và không phế bỏ, vì sao? Vì từ “đêm đắc đạo” đến “đêm nhập Niết-bàn” nói bốn bộ kinh A-hàm tổng kết làm Tạng giáo của Thanh văn, giáo ban đầu đâu từng phế bỏ? Là vì thành tựu Sự thiện của người trước hợp với Sự thiện của người sau cho nên mới có phế bỏ và không phế bỏ. Thông giáo thành tựu trước hợp sau cũng đều như vậy. Biệt giáo thành tựu trước, phù hợp sau cũng như vậy. Viên giáo có lập và không lập nghĩa là ngay ban đầu như chiếu soi “ở núi cao” tức đã tự lập rồi. Riêng đối với Tam tạng giáo thì không lập. Văn nói “mới thấy thân ta mà nhập vào tuệ của Như lai tức là lập trước. Người học tiểu thừa nay nhập vào tuệ của Phật tức là lập sau. Đối với trung gian như vậy có thể biết. Các hạnh, trí có phế bỏ và không phế bỏ, các quả vị có phế bỏ và không phế bỏ. Nếu căn cứ vào các vị giáo mà nói thì vị Nhữ giáo có hai giáo hành vị của một giáo cũng phế bỏ cũng không phế bỏ,

còn một giáo thì hành vị không phế bỏ, hành vị của Lạc giáo có phế bỏ và không phế bỏ, trong bốn giáo của “Sanh tô giáo” thì hành vị của ba giáo có phế bỏ và không phế bỏ còn một giáo thì hành vị không phế bỏ, ba giáo của Thục tô thì có hành vị của hai giáo có phế bỏ và không có phế bỏ còn một giáo thì hành vị không phế bỏ. Riêng kinh Pháp Hoa nói hành vị của ba giáo đều phế bỏ chỉ có một giáo thì hành vị không phế bỏ. “Chỉ nói đạo vô thượng” tức đồng với “cưỡi một xe báu đều thẳng đến “đạo tràng” tức nghĩa của ba thừa đều không phế bỏ. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói “hai đạo, ba pháp, bốn quả không hợp” nhưng đến Pháp Hoa thì đều hợp cho nên không luận phế bỏ. Từ khi thành đạo đến lúc nhập diệt trải qua thời gian hơn bốn mươi năm, đức Như lai chưa hiển bày chơn thật nhưng cho đến trong Pháp Hoa mới hiển bày tướng chơn thật. Truyện nói “năm đức Phật bảy mươi hai tuổi thì nói kinh Pháp Hoa v.v...” Lại nữa giáo phế bỏ và “hành vị” phế bỏ hành vị phế bỏ giáo không phế bỏ hoặc đều phế bỏ hoặc đều không phế bỏ. Sao gọi là giáo phế bỏ và hành vị không phế bỏ? Vì trụ quả Thanh văn cũng còn ở tại “am tranh” nên hành vị không phế bỏ mà giáo phế bỏ. Sao gọi là hành vị phế bỏ mà không phế bỏ giáo? Vì hàng lợi căn mà bí mật làm lợi ích chứ không đợi đến phế bỏ giáo, tức là sớm dứt hành vị. Sao gọi là đều phế bỏ? Vì Bồ-tát Tam Tạng giáo. Sao gọi là đều không phế bỏ? Vì hợp với duyên sau... Thông giáo và Biệt giáo theo thông lệ như vậy nên có thể hiểu v.v...

Nếu dựa theo “phế bỏ quyền” thì hành vị ba giáo phế bỏ nhưng có một loại không phế bỏ. Nếu căn cứ ở người có căn tánh lạnh lợi thì có một loại lập mà ba loại không lập. Nếu căn cứ ở hàng độn căn thì có ba loại giáo lập và một giáo không lập. Nếu xét theo ở người độn căn chuyển thành lợi căn thì có một giáo lập mà ba giáo không lập. Nếu căn cứ vào hàng lợi độn căn mà hợp luận thì cũng lập cũng không lập, cũng phế bỏ cũng không phế bỏ. Nếu căn cứ ở pháp giới bình đẳng thì chẳng lập cũng chẳng phải không lập, chẳng phế bỏ cũng chẳng phải không phế bỏ. Lại nữa, phế bỏ giáo rồi lại nghe giáo, tự có phế bỏ giáo rồi mà không nghe lại giáo, tự có không phế bỏ giáo rồi mà nghe lại giáo, tự có không phế bỏ giáo rồi mà không nghe giáo lại. Sao gọi là phế bỏ giáo rồi lại nghe giáo? Vì như phế bỏ Sự thiện của sáu độ nhưng lại nghe Lý thiện mất ba thừa. Sao gọi là phế bỏ giáo lại không nghe giáo? Vì như trụ quả nhị thừa khi phế bỏ giáo rồi thì nhập diệt. Sao gọi là không phế bỏ giáo, lại nghe giáo? Vì như hợp với người Học thứ tự ở trong Phương đẳng đều nghe tên Tiểu thừa và Đại thừa. Sao gọi là không phế bỏ

không nghe lại? Vì chưa phế bỏ giáo mà bí mật nhập vào.

Lại nữa, phế bỏ trí tuệ lại tu trí tuệ; không phế bỏ trí tuệ lại tu trí tuệ, phế bỏ trí tuệ lại không tu trí tuệ, không phế bỏ trí tuệ mà không tu trí tuệ. Sao gọi là phế bỏ trí tuệ lại tu trí tuệ? Vì Bồ-tát Tam tạng phế bỏ trí tuệ của mình lại tu Vô sanh trí. Sao gọi là không phế bỏ trí tuệ lại tu trí tuệ? Vì trụ quả Thanh văn không phế bỏ trí tuệ của mình nhưng lại đi quán sát và học “Vô sanh trí” thực sự không dùng trí khéo léo để đoạn trừ kiết. Lại nữa người tu tập thứ tự là như vậy. Sao gọi là không phế bỏ trí tuệ lại không tu trí tuệ? Vì cũng trụ ở quả Thanh văn mà sanh tướng diệt độ nên không nỗ lực tu đại thừa. Như bốn vị đệ tử lãnh hiểu mà nói “con xưa thân thể lười mỗi chỉ nhớ nghĩ đến Không” Vô tướng và Nguyên nên đối với pháp của Bồ-tát đều không có tâm ưa muốn v.v...” và lại đợi duyên sau v.v... Sao gọi là phế bỏ trí tuệ lại không tu tập trí? Vì phế bỏ trí của Tam tạng, Bồ-tát thối lui làm các điều ác v.v... cũng là phế bỏ trí rồi bí mật nhập vào Đốn giáo mà không tu trí phương tiện.

Lại nữa, phế bỏ vị lại nhập vào vị; phế bỏ vị lại không nhập vào vị; không phế bỏ cũng lại không nhập, không phế bỏ mà nhập vào. Sao gọi là phế bỏ vị lại nhập vào vị? Vì Bồ-tát Tam tạng phế bỏ vị không đoạn trừ hoặc mà nhập vào vị đoạn trừ hoặc. Sao gọi là phế bỏ vị lại không nhập vào vị? Vì phế bỏ vị mà bí mật Đốn ngộ nên không nhập vào vị thứ tự. Sao gọi là không phế bỏ vị mà lại không nhập vào vị? Nghĩa là vì trụ ở quả nhị thừa v.v... Sao gọi là không phế bỏ vị mà lại nhập vào vị? Nghĩa là vì đợi duyên sau, cũng chưa phế bỏ sự bí mật ngộ hiểu mà nhập vào địa vị trên. Vị trí của Thông giáo và Biệt giáo nếu giản lược thì cũng nên như vậy v.v...

Hỏi: Phế bỏ lại tu thì có thể có lợi ích nhưng phế bỏ mà lại không tu thì có lợi ích gì? Đáp: Tự có phế “phế bỏ” lại tu mà đạt được lợi ích, tự có quả trách phế bỏ. Cho phép tuy không tu nhưng có hổ thẹn đối với tâm thấp kém hèn mọn nhằm phá bỏ tâm thủ chứng ấy nên cũng là có lợi ích. Lại ngang bằng sự đoạn kiết kia nên nói không có lợi ích nhưng hồi tâm nhập vào đại thừa thì đạt được lợi ích v.v...

8. Khai mở địa vị thô mà hiển bày địa vị vi diệu được trình bày như sau. Nếu phá “ba hiển bày một” là ý “tương đãi” thì có thể giống như trước nhưng “tức ba là một” là ý tuyệt dứt đối đãi. Nghĩa ấy không phải như vậy, vì sao? Vì xưa kia quyền trí tích chứa thật trí như hoa bao hàm cả sen. Nay khai mở quyền trí để hiển bày thật trí thì như hoa nở sen hiện ra. Do đó, lìa khỏi hoa này rồi thì không có sen riêng biệt. Cũng thế, lìa thô này thì không có diệu riêng biệt vậy cần gì phải phá

“thô” để đi đến diệu! chỉ vị khai mở địa vị quyền tức là hiển bày địa vị vi diệu. Khai mở tâm thô của sanh tử tức làm rõ hàng phàm phu có “phản hồi” nên dễ phát khởi tâm Bồ-đề. Khi ấy, sanh tử tức Niết-bàn không có hai thứ sai biệt thì ngay nơi thô chính là diệu”. Nếu xưa từ phàm phu phát khởi bốn tâm: phân tích thể nhập Biệt giáo và Viên giáo thì cũng tức là tâm ban đầu của bốn vị. Tâm này đều là do nhân duyên sanh nên có nghĩa “tức nhân duyên này tức Không, tức Giả, tức Trung đạo” cùng với tâm ban đầu của Viên giáo không hai, không khác. Các tâm ban đầu đều là Nhũ giáo (sữa) hiển bày diệu tức như để thuốc độc vào trong sữa nên có khả năng giết chết người. Giết có lâu và mau. Nếu xét ở vị mà nói diệu tức thành giả danh diệu. Nếu tiến đến nhập vào phương tiện thì trở thành tương tự diệu. Nếu tiến đến nhập vào lý tức thành phần diệu chân thật v.v... Nếu khai mở hành, vị của “sáu độ” thuộc Quyền thì Đản (Bố thí) là pháp do duyên sanh tức không, tức Giả, tức Trung đạo. Điều này có nghĩa khai mở Đản độ mà được thấy Phật tánh, cho đến Bát-nhã độ cũng lại như vậy, cũng gọi là để thuốc độc vào trong sữa tức có khả năng giết người” hoặc xét ở địa vị tức Giả danh về diệu. Nếu tiến đến phương tiện thì trở thành tương tự diệu, nếu tiến đến nhập vào lý thì trở thành phần diệu chân thật v.v... Đối với Phương tiện, Thanh văn ở vị chưa nhập vào thì khai mở quyền mà hiển bày thật cũng như vậy. Địa vị đoạn trừ kiết của Tam tạng nếu chưa khai mở quyền thì vĩnh viễn không có “phản hồi”, như hạt giống khô héo không nảy mầm. Nay khai mở “phân tích không” tức Giả, tức Trung đạo. Như để thuốc độc trong váng sữa (vị Lạc) cũng có thể gây chết người. Nếu xét “thô” tức diệu là địa vị tương tự. Nếu tiến đến nhập vào tùy theo địa vị tức phán quyết diệu. Kế đến, khai mở nhị thừa, Bồ-tát của Thông giáo cũng như vậy. Địa vị Bồ-tát ra khỏi giả quán tức là quyết hiểu rõ giả này tức là trung đạo. Như bỏ thuốc độc vào Sanh-tô thì cũng có thể gây chết người. Nếu xét “thô” tức diệu là địa vị tương tự. Nếu tiến đến nhập vào thì tùy theo địa vị mà phán quyết diệu. Nếu khai mở Thập tín của Biệt giáo thì đồng với trước. Nếu khai mở Thập Trụ thì đồng với hàng nhị thừa v.v... nếu khai mở địa vị Thập Hạnh thì đồng với Bồ-tát ra khỏi giả quán của Thông giáo. Nếu khai mở Thập hồi hướng hàng phục vô minh tức là trung đạo. Do đó, gọi là “bỏ thuốc độc vào trong vị thực tô tức có khả năng gây chết người”. Nếu xét “thô” tức diệu thì là địa vị tương tự. Nếu tiến tới nhập vào thì tùy theo địa vị mà phán quyết diệu. Nếu là đẳng địa, không quyết định rõ thì chỉ là địa vị vụng về vượt qua. Nay quyết định quyền trí này khiến được hiển bày thật trí tức giống như

bỏ thuốc độc vào vị đề-hồ để giết người. Nếu xét thô tức điều là địa vị Thập Trụ, nếu tiến tới nhập vào thì tùy theo địa vị mà phán quyết điều. Nếu quyết định các quyền trí hoặc xét vị và điều, hoặc tiến tới nhập vào điều thì không có thô có thể đối đãi nên đồng trở thành “một điều”. Nghĩa này đã hiển bày. Nay lại dùng thí dụ để nói. Ví như vị đại thần của nước nhỏ đi đến nước lớn thì mất vị thứ cũ. Tuy ở trong hàng ngũ quan lại nhưng chỉ đứng sau như vị quan nhỏ của nước lớn. Tâm huyết sức lực nhờ cậy vào phẩm trước chưa cao nhưng lại được mọi người kính quý. Các vị của các giáo quyết định ở thô mà nhập điều, tuy được “nhập lưu” nhưng muốn so sánh tám thứ điều của Viên giáo thì giống như từ trong độn căn đưa đến. Sơ phát tâm của Viên giáo tuy chưa nhập vào vị nhưng có khả năng biết tạng bí mật của Như Lai nên gọi làm Phật. Sơ tâm còn như vậy huống gì là địa vị sau đó v.v...

9. Dẫn năm thí dụ của kinh Niết-bàn để chứng thành bốn vị giáo: Nếu không đem bốn giáo để giải thích thí dụ thì không thể hiểu thí dụ. Nếu chẳng phải dùng năm thí dụ phán quyết bốn vị giáo thì giữ lấy niềm tin tức rất khó. Nếu tin vào kinh văn tức nghĩa của vị để hiển bày ý của các vị. Kia là ví dụ về lạnh nóng, hai tướng cần thiết cho nhau nên có thể nói là “toàn mỹ”. Văn kia nói “phàm phu như vị Nhũ (sữa), Tu-đà-hoàn như Lạc, Tư-đà-hàm như Sanh tô, A-na-hàm như Thục tô, A-la-hán, Bích chi Phật và Phật như Đề hồ. Đây là thí dụ về năm vị của Tam tạng giáo, vì sao? Vì phàm phu hoàn toàn chưa có khả năng đoạn trừ “hoặc” Bồ-tát cũng như vậy chỉ được như vị Sữa. Tu-đà-hoàn phá trừ Kiến hoặc mà chuyển phàm thành Thánh, như sữa chuyển thành vị Lạc sữa. Tư-đà-hàm xâm hại đến sáu phẩm Tư hoặc cho nên như Sanh tô. A-na-hàm phá sạch “Tư hoặc” của Dục giới cho nên như Thục tô. A-la-hán, Bích chi Phật và Phật đều đoạn sạch “Kiến hoặc” và Tư hoặc của ba cõi cho nên đồng gọi là “Đề hồ”. Do đó Thích Luận nói “trong kinh của Thanh văn gọi A-la-hán làm Phật địa, cho nên cũng là một vị”.

Hỏi: Kinh này lấy Bồ-tát Tam tạng giáo làm loại cỏ bậc thượng, vậy kinh kia sao nói lấy Bồ-tát làm Vị Nhũ?

Đáp: Kinh lấy phạm vi hóa tha mạnh dụ cho loại cỏ thuốc bậc thượng. Trong đây lực tự chứng yếu nên đồng với phàm phu làm vị Nhũ v.v... Phẩm ba mươi hai nói “phàm phu như sữa với máu lẫn lộn, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm như vị sữa nguyên chất, A-na-hàm như vị Lạc sữa, A-la-hán như vị Sanh tô, Bích chi Phật, Bồ-tát như vị Thục tô, Phật như vị Đề hồ. Đây là thí dụ về năm vị của Thông giáo. Phàm phu không đoạn

“hoặc” nên sửa còn lẫn lộn với máu. Nhị quả vị xâm hại đến Tư hoặc chưa nhiều nên đồng với sơ quả như sữa. Quả vị thứ ba do đoạn sạch Tư hoặc của Dục giới cho nên như vị Lạc. Quả vị thứ tư đã đoạn sạch Kiến hoặc và Tư hoặc nên giống như Sanh tô. Bích chi Phật với trí tuệ lạnh lợi xâm hại đến tập hoặc hơn Thanh văn một ít cho nên cùng với Bồ-tát như vị Thực tô. Thập Địa hay gọi là Phật địa tức là như vị Đề hồ. Trước vì Bồ-tát đồng với vị phàm phu cho nên biết đó là Tam tạng. Nay vì Bồ-tát đồng với Bích chi Phật, Phật cho nên biết đó là Thông giáo. Nếu không đưa ra cách giải thích thông suốt thì nghĩa của thí dụ do đâu có thể hiểu được! v.v...

